

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P4	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	
2		P1+P2	7:25	12+10	0+0		3+19	0+0	
3		P5+P3	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
4		AMD+HSD	9:25	20+0	0+0		18+4	0+0	
5		P4+TGTH4	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
6		AMD+TGTH5+HST	9:25	0+2+0	0+0+0		14+5+3	0+0+0	
7		RP3+BK8+P3	11:25	2+0+15	0+0+0		1+2+18	0+0+0	
8		P2+P8+P7	11:25	9+7+4	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
9		BK21+BK19+P1	11:25	2+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 pax bk19-p1
10		AMD+TGTH1	11:25	10+0	0+0		12+6	0+0	

TTDDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ Đi về trong ngày P7-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 09:20
XANH-1		HIEU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	P7	78	1	3	80	85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO TRUNG KIEN	P7					67	KH-THAC	Vietnamese
3	MIRSAYAPOV	P7	73	1	3		101	KH-THAC	Russian
4	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	P7	71	1	4		62	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	77	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	70	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH THANH TAM	P7	74-76	3	20		90	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	80	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH NAM	P7	81	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LỢI	P7	69	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P7	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN	P7	79	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ DUY TOÀN	P4	41	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY THAI	P4	46-47	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THAI SƠN	P4	49	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI QUANG HOÀN	P4	44-45	2	11		98	YTE	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HOANG	P4	50	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	51	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MINH TUẤN	P4	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NHÃN HAI	P4	42	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN NGỌC TUẤN	P4	43	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	40	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	13	75	902	80	10		
2	P4	10	12	77	712	20	12		
TOTAL		22	25	152	1.614	100	22		
WEIGHT KG				152	1.614	100			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: P1 - P2	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU MINH TUAN	P1	80-81	2	12		75	VIỆN NCK	Vietnamese
2	BABKIN ANDREI	P1	79	1	7		102	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TRUNG HIEU	P1	99	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG VINH	P1	96	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TA QUỐC VIỆT	P1	76-78	3	20		62	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HOANG	P1	97	1	5	25	60	TRƯỜNG	Vietnamese
7	LÊ NGUYEN HOANG LONG	P1	86	1	17		90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	85	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THE VINH	P1	98	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LONG BIEN	P1	400	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU DŨNG	P1	82-83	2	11	12	85	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ DINH PHÚC	P1	84	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM TAI	P2	30	1	11		74	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUY TRUONG	P2	29	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	ĐO NGỌC TÂN	P2	11	1	8		75	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG NINH	P2				45	65	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG BAO NGOC	P2	31	1	6		85	KHI	Vietnamese
18	PHAM VAN HIỆP	P2	12	1	8		71	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TRỌNG HIỆU	P2	16	1	5		62	PSV	Vietnamese
20	BUI LONG HUNG	P2	15	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	BUI HỮU TRI	P2	13	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN CONG	P2	14	1	6	10	57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	16	109	912	37	3		
2	P2	10	9	57	689	55	19		
TOTAL		22	25	166	1.601	92	22		
WEIGHT KG				166	1.601	92			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: P5 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - N.ANH - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA VAN TOI	P5	39	1	10	35	95	YTE	Vietnamese
2	BUI VAN BAC	P5				20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIEU	P5	45	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG PHUC	P5	44	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
5	DO HOANG TRON	P5	36	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TIEN	P5	34	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SY CONG	P5	33	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH PHUC	P5	32	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	P5	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG BA VINH	P5	35	1	15		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VAN VUONG	P5	37-38	2	20		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SANG	P5	82-83	2	21		68	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG THANH SON	P5	46-47	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
14	VUONG MAI	P5	86-87	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH LINH	P5	84-85	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
16	DAO VAN THANG	P5	40	1	9		55	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN TINH	P5	42	1	7		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRINH	P5	41	1	5		59	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN PHI DAN	P3	92	1	10	30	55	YTE	Vietnamese
20	TRAN DUC THUAN	P3	80	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	DINH VAN THANH	P3	81	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG HUU HAU	P3	88	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	22	199	1.232	55	16		
2	P3	4	4	31	308	30	6		
TOTAL		22	26	230	1.540	85	22		
WEIGHT KG				230	1.540	85			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: TD2 - AMD - HSD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 11:40
XANH-2		HIEU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	54	1	6		70	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN NAM TRUNG	AMD	48	1	5		72	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ANH	AMD	43	1	11		60	NAM LONG	Vietnamese
4	VO VAN MANH	AMD	33	1	8		79	NAM LONG	Vietnamese
5	PHAN VAN SY	AMD	34	1	8		70	NAM LONG	Vietnamese
6	HUYNH NGOC AN	AMD	41	1	10		68	HLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CHI TAM	AMD	42	1	8		81	HLJOC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THANH	AMD	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG DUNG	AMD	49-50	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN DONG	AMD	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO VAN SAU	AMD	53	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH DUC	AMD	44-45	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MANH HA	AMD	60-61	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HUU TINH	AMD	51-52	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	35-36	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY QUYEN	AMD	46	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG BINH	AMD	37-38	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
18	CHU HAI MINH	AMD	56-57	2	18	8	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TAN	AMD	39-40	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
20	LE CONG VIET	AMD	55	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	18	0		
2	AMD	20	28	192	1.382	8	18		
3	HSD	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	28	192	1.382	26	22		
WEIGHT KG				192	1.382	26			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	TO: P4 - TGTH4	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀNG LONG	P4	68	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TOÀN	P4	64	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG	P4	63	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	75	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU VĂN ĐẠT	P4	72-73	2	19		64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN BA	P4	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐAM VĂN QUANG	P4	77	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ANH THẮNG	P4	74	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ TÂN DŨNG	P4	71	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	76	1	4	25	68	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN MẠNH	P4	78	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	62	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG NGOC SANG	P4	53-54	2	12		54	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN LỰC	P4	66	1	11		71	KHI	Vietnamese
15	LÊ VŨ LỰC	P4	60-61	2	15		75	KHI	Vietnamese
16	ĐO ĐÌNH TRƯỞNG	P4	55-56	2	17		58	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH QUYNH	P4	57-58	2	13		70	KHI	Vietnamese
18	VÔ VĂN GIANG	P4	59	1	15		64	KHI	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4					75	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HOA	P4	70	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	PHAN XUÂN LONG	P4	65	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	LƯU ĐÌNH THAI	P4	69	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	26	173	1.491	25	16		
2	TGTH4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	26	173	1.491	25	22		
WEIGHT KG				173	1.491	25			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: AMD - TGTH5 - HST	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DU'ONG - N.ANH - NNAM	ETA: 11:45
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN THAO	TGTH5	38	1	9		67	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THUAT	TGTH5	39	1	8		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	0	0	0	0	0	14		
2	TGTH5	2	2	17	149	0	5		
3	HST	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		2	2	17	149	0	22		
WEIGHT KG				17	149	0			

GRAND TOAL: 166 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Điểm VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: RP3 - BK8 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - DTÙNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CAO TUẤN	RP3	20	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
2	HOÀNG HỮU TRỌNG	RP3	21	1	15		66	CODIEN	Vietnamese
3	BUI THE DUONG	P3	74	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC HUY	P3	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	67	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN BUI NAM	P3	60,79	2	18		93	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	62	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH PHONG	P3	72-73	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
9	VU ĐỨC HUNG	P3	65	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯƠNG THẾ VINH	P3	69-71	3	20		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ TÀI	P3	64	1	11		58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THẾ HẠNH	P3	63	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VĂN LINH	P3	75-76	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VU XUÂN TIẾN	P3	77	1	8		70	PSV	Vietnamese
15	VU VĂN PHÚC	P3	66	1	5		55	PSV	Vietnamese
16	CAO DUY LŨNG	P3	78	1	6		60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	P3	61	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	25	134	0	2		
2	BK8	0	0	0	0	23	2		
3	P3	15	20	148	1.050	0	18		
TOTAL		17	22	173	1.184	23	22		
WEIGHT KG				173	1.184	23			

GRAND TOAL: 1.380 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: P2 - P8 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 14:10
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KIM	P2	16-17	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH THĂNG	P2	12-13	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH TÂM	P2	18	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO MẠNH HÙNG	P2	14-15	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	HA XUÂN THANH	P2	10-11	2	18	27	75	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TỬ KHA	P2	08-09	2	23		92	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM HẢI	P2	19-20	2	10		72	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TRUNG	P2	21	1	7		75	PSV	Vietnamese
9	HOANG QUỐC LONG	P2	22	1	6		58	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUÂN	P8	55	1	9	50	71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VIỆT	P8	01-02	2	14	20	78	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẶNG THĂNG LONG	P8	58-59	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN NGỌC TUÂN ANH	P8	03-04	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	P8	05-06	2	15		77	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	56-57	2	14		50	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH DANH VY	P8	54	1	5		58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7					69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P7	54	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VIỆT HÙNG	P7	55	1	7		76	PSV	Vietnamese
20	ĐẬU CÔNG SAU	P7	56	1	5		83	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	9	15	126	642	27	5		
2	P8	7	12	96	494	70	4		
3	P7	4	3	17	285	0	13		
TOTAL		20	30	239	1.421	97	22		
WEIGHT KG				239	1.421	97			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/07/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	TO: BK21 - BK19 - P1	CREW: HUNG - N.CUONG - THU	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK21	51	1	15	50	75	CODIEN	Vietnamese
2	VÕ NGOC THAI SON	BK21	52	1	15		72	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ KIẾN TRUNG	P1	53	1	8	20	85	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUY NGHIỆP	P1					77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THẮNG	P1	46	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG MINH	P1					76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM SỸ HIỆP	P1	54	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NĂM CUÔNG	P1	50	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	59	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HỒNG HAI	P1	51-52	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM ANH SƠN	P1	49	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	55	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	61-62	2	14		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HOÀNG	P1	64-65	2	17		89	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOÀNG SANG	P1	63	1	13		90	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	57	1	3		72	PSV	Vietnamese
17	LÊ HỒNG MINH	P1	58	1	7		72	PSV	Vietnamese
18	VŨ VĂN CHUYỀN	P1	60	1	6		68	PSV	Vietnamese
19	PHAN SỸ HOÀN	P1	56	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	47-48	2	16		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	2	2	30	147	50	0		CHUYỂN 1 PAX BK19-P1
2	BK19	0	0	0	0	35	0	HL	
3	P1	18	20	144	1.273	20	22		
TOTAL		20	22	174	1.420	105	22		
WEIGHT KG				174	1.420	105			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/07/2024	TO: AMD - TGTH1	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 13:20
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẬU ĐÌNH TÂN	AMD	74-75	2	22		60	NAM LONG	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	AMD	62-63	2	8		86	NAM LONG	Vietnamese
3	DANH KY	AMD	65	1	12		73	NAM LONG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỀN	AMD	66	1	15		53	NAM LONG	Vietnamese
5	BUI ANH KIẾT	AMD	67-68	2	14		77	NAM LONG	Vietnamese
6	HA MINH LUAN	AMD	69	1	15		70	NAM LONG	Vietnamese
7	NGO HOAI HẠ	AMD	64	1	12		74	NAM LONG	Vietnamese
8	NGO HOANG TU	AMD	72-73	2	15		72	NAM LONG	Vietnamese
9	NGO TRUONG SON	AMD	71	1	16		54	NAM LONG	Vietnamese
10	HA VAN CHINH	AMD	70	1	8		74	NAM LONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	14	137	693	0	12		
2	TGTH1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		10	14	137	693	0	18		
WEIGHT KG				137	693	0			

GRAND TOAL: 830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

PC lấy đủ MF Rồi → Lưu VSP.

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/07/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+BK14+RP2	7:55	0+21+0	0+0+0		0+14+4	0+0+0	chuyen 1 bk16-bk14
2		P1+P6+TD1	7:25	8+0+14	0+0+0		0+7+15	0+0+0	
3		P10+BK14+MRM	9:25	19+2+0	0+0+0		18+0+2	0+0+0	

TTDPSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/07/2024	TO: BK16 - BK14 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VANH - DŨNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HỮU	BK14	27	1	8		63	PSV	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC TOÀN	BK14	02-03	2	20	110	86	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG DINH HOA	BK14	17	1	15	15	63	XAYLAP	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN THỨC	BK14	08-09	2	23		76	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ QUY ĐÓN	BK14	21-22	2	13		72	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN THOONG	BK14	30-31	2	25		57	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HUY	BK14	34	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HUY	BK14	13	1	10	15	56	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ PHU TOA	BK14	25	1	15	18	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN KIM THANG	BK14	06-07	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
11	HA VAN ĐỨC	BK14	23-24	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
12	CHU TIEN DUNG	BK14	41-43	3	14		90	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TAI	BK14	28-29	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
14	NGO DINH THANG	BK14	15-16	2	22		66	XAYLAP	Vietnamese
15	DINH THANH BINH	BK14	19-20	2	25		73	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ VĂN LINH	BK14	37-38	2	10		61	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN VĂN	BK14	35-36	2	10		81	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THANH NGHIỆM	BK14	11	1	10	12	65	XAYLAP	Vietnamese
19	LUU QUY DUNG	BK14	10	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN SON	BK14	04-05	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	0	0	0	0	0	0	+1	CHUYEN 01 PAX BK16-BK14
2	BK14	20	34	319	1.356	170	14		
3	RP2	0	0	0	0	0	5		THAO 2 CHO CHO HANG
TOTAL		20	34	319	1.356	170	19		
WEIGHT KG				319	1.356	170			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/07/2024	TO: P1 - P6 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG HAI	P1	35-36	2	17		80	GPWS	Vietnamese
2	VŨ TIẾN THANH	P1				30	76	GPWS	Vietnamese
3	PHẠM MINH HƯNG	P1	40-41	2	13		78	GPWS	Vietnamese
4	VŨ HOÀNG TÂN	P1	34	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠNH	P1	33	1	11		63	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH THAO	P1	69	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC BÌNH	P1	67	1	17		68	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TUƠNG.	P1	68	1	10		81	DVL	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC THAI	TD1	54-55	2	7		83	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN TUẤN TU	TD1	49	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	60	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
12	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	53	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN NINH	TD1	51	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG DUY LY	TD1	62	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THANH CÔNG	TD1	57	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	NIKITIN NIKOLAI	TD1	63	1	10		90	ANTOAN	Russian
17	BUI NGỌC QUANG	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	61	1	10		86	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ QUANG LỰC	TD1	50	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ QUY VINH	TD1	58-59	2	11		75	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VIỆT THANH	TD1	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN THANH TÀI	TD1	52	1	6		54	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	9	86	611	30	0		
2	P6	0	0	0	0	28	7		
3	TD1	14	15	84	1.008	0	15		
TOTAL		22	24	170	1.619	58	22		
WEIGHT KG				170	1.619	58			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/07/2024	TO: P10 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGỰ	P10	64	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN BÌNH	P10	75	1	10	16	75	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN HUY THƯƠNG	P10	92-93	2	16		85	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG TỊNH	P10	81-82	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
5	HÌNH NGỌC GIANG	P10	70-71	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THỌ	P10	77	1	10	19	75	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ MẠNH THĂNG	P10	67-69	3	23	27	61	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HUNG LONG	P10	73-74	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ QUANG PHÚC	P10	79-80	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HAI	P10	90-91	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P10	83-84	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VUI	P10	40,59	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CHIÊU	P10	96	1	13		59	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NHU HUÂN	P10	38-39	2	16		73	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HUY DUÂN	P10	62-63	2	21		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P10	65-66	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN HỒNG	P10	94-95	2	19		96	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	60-61	2	22		69	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH QUANG	P10	72	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	34	310	1.313	62	18		
2	MRM	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		19	34	310	1.313	62	21		
WEIGHT KG				310	1.313	62			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN